



Lenovo ThinkPad X1 Carbon (6th Gen) Intel® Core™ i7 i7-8650U Laptop 35,6 cm (14") Màn hình cảm ứng Full HD 8 GB LPDDR3-SDRAM 256 GB SSD Windows 10 Pro Bạc

Nhãn hiệu : Lenovo

Họ sản phẩm: ThinkPad

Mã sản phẩm: 20KH0076US

Tên mẫu : ThinkPad X1 Carbon (6th Gen)



Lenovo ThinkPad X1 Carbon (6th Gen). Sản Phẩm: Laptop, Hệ số hình dạng: Loại gấp. Họ bộ xử lý: Intel® Core™ i7, Model vi xử lý: i7-8650U, Tốc độ bộ xử lý: 1,9 GHz. Kích thước màn hình: 35,6 cm (14"), Kiểu HD: Full HD, Độ phân giải màn hình: 1920 x 1080 pixels, Màn hình cảm ứng. Bộ nhớ trong: 8 GB, Loại bộ nhớ trong: LPDDR3-SDRAM. Tổng dung lượng lưu trữ: 256 GB, Phương tiện lưu trữ: SSD. Thẻ hệ mạng thiết bị di động: 4G. Hệ điều hành cài đặt sẵn: Windows 10 Pro

Thiết kế		Bàn phím	
Sản Phẩm *	Laptop	Bàn phím số *	✗
Màu sắc sản phẩm *	Bạc	Bàn phím có đèn nền	✓
Hệ số hình dạng *	Loại gấp	Bàn phím chống nước	✓
Màn hình		Phần mềm	
Kích thước màn hình *	35,6 cm (14")	Cấu trúc hệ điều hành	64-bit
Độ phân giải màn hình *	1920 x 1080 pixels	Hệ điều hành cài đặt sẵn *	Windows 10 Pro
Màn hình cảm ứng *	✓	Tính năng đặc biệt của bộ xử lý	
Kiểu HD	Full HD		
Công nghệ cảm ứng	Cảm ứng đa điểm	Công nghệ Intel® My WiFi (Intel® MWT)	✓
Loại bảng điều khiển	IPS	Công nghệ Phản hồi Thông minh của Intel®	✓
Đèn LED phía sau	✓	Công nghệ Bảo vệ Danh tính Intel® (Intel® IPT)	✓
Tỉ lệ khung hình thực	16:9	Công nghệ Siêu Phân luồng Intel® (Công nghệ Intel®)	✓
Bộ xử lý		Công nghệ Intel® Turbo Boost	2.0
Hãng sản xuất bộ xử lý *	Intel	Công nghệ Enhanced Intel® SpeedStep	✓
Họ bộ xử lý *	Intel® Core™ i7	Công nghệ Intel® Clear Video HD (Intel® CVT HD)	✓
Thế hệ bộ xử lý	8th gen Intel® Core™ i7	Công nghệ Intel® Clear Video	✓
Model vi xử lý *	i7-8650U	Công nghệ InTru™ 3D	✓
Số lõi bộ xử lý	4	Công nghệ Đồng bộ nhanh video của Intel®	✓
Các luồng của bộ xử lý	8	Công nghệ Intel Flex Memory Access	✓
Tần số turbo tối đa	4,2 GHz	Hướng dẫn mới cho Intel® AES (Intel® AES-NI)	✓
Tốc độ bộ xử lý *	1,9 GHz	Công nghệ Thực thi tin cậy Intel®	✓
Tốc độ bus hệ thống	4 GT/s	Intel® Enhanced Halt State	✓
Bộ nhớ cache của bộ xử lý	8 MB	VT-x của Intel với công nghệ Bảng Trạng Mở rộng (EPT)	✓
Đầu cắm bộ xử lý	BGA 1356	Khóa An toàn Intel	✓
Bộ xử lý quang khắc (lithography)	14 nm	Intel® TSX-NI	✓
Các chế độ vận hành của bộ xử lý	64-bit		
Tên mã bộ vi xử lý	Kaby Lake R		
Loại bus	OPI		
Chia bậc	Y0		
Công suất thoát nhiệt TDP	15 W		
Tần số configurable TDP-up	2,1 GHz		
Configurable TDP-up	25 W		
TDP-down có thể cấu hình	10 W		
Tần số TDP-down có thể cấu hình	0,8 GHz		

Bộ xử lý		Tính năng đặc biệt của bộ xử lý	
Tjunction	100 °C	Chương trình Nền tảng Hình ảnh Ổ định của Intel® (SIPP)	✓
Số lượng tối đa đường PCI Express	12	Intel® OS Guard	✓
Phiên bản PCI Express	3.0	Mở Rộng Bảo Vệ Phần Mềm Intel® (Intel®SGX)	✓
Cấu hình PCI Express	1x2+2x1, 1x4, 2x2, 4x1	Công nghệ Intel® Clear Video dành cho thiết bị di động kết nối internet được (Intel CVT cho MID)	✓
ECC được hỗ trợ bởi bộ vi xử lý	✗	Kiến trúc Intel® 64	✓
Bộ nhớ		Tính năng bảo mật Execute Disable Bit	✓
Bộ nhớ trong *	8 GB	Trạng thái Chờ	✓
Loại bộ nhớ trong	LPDDR3-SDRAM	Công nghệ Theo dõi nhiệt	✓
Tốc độ xung nhịp bộ nhớ	2133 MHz	Kích cỡ đóng gói của vi xử lý	42 x 24 mm
Hệ số bộ nhớ tiêu chuẩn	On-board	Hỗ trợ tài liệu hướng dẫn	AVX 2.0, SSE4.1, SSE4.2
Dung lượng		Mã của bộ xử lý	SR3L8
Tổng dung lượng lưu trữ *	256 GB	Cấu hình bộ xử lý trung tâm (tối đa)	1
Phương tiện lưu trữ *	SSD	Các tùy chọn nhúng sẵn có	✗
Số lượng ổ SSD được trang bị	1	Intel® Virtualization Technology for Directed I/O (VT-d)	✓
Dung lượng ổ cứng thể rắn (SSD)	256 GB	Phiên bản Công nghệ Intel Identity Protection	1,00
Chuẩn giao tiếp ổ cứng thể rắn (SSD)	M.2	Phiên bản Công nghệ Intel® Smart Response	1,00
Loại ổ đĩa quang *	✗	Phiên bản Intel® Stable Image Platform Program (SIPP)	1,00
Đồ họa		Phiên bản Công nghệ Intel Secure Key	1,00
Card đồ họa on-board *	✓	Phiên bản Intel® TSX-NI	1,00
Model card đồ họa on-board *	Intel® UHD Graphics 620	Công nghệ Intel Virtualization (VT-x)	✓
Tần số cơ bản card đồ họa on-board	300 MHz	ID ARK vi xử lý	124968
Tần số động card đồ họa on-board (tối đa)	1150 MHz	Vi xử lý không xung đột	✓
Bộ nhớ tối đa của card đồ họa on-board	32 GB	Pin	
Phiên bản DirectX của card đồ họa on-board	12.0	Công nghệ pin	Lithium-Ion (Li-Ion)
Phiên bản OpenGL của card đồ họa on-board	4.4	Công suất pin *	57 Wh
ID card đồ họa on-board	0x5917	Điện	
Âm thanh		Công suất của bộ nguồn dòng điện xoay chiều	65 W
Số lượng loa gắn liền	2	Bảo mật	
Công suất loa	1 W	Đầu đọc dấu vân tay	✓
Máy ảnh		Trusted Platform Module (TPM)	✓
Camera trước	✓	Mã pin bảo vệ	✓
Độ phân giải camera trước	1280 x 720 pixels	Bảo vệ bằng mặt khẩu	HDD, Khởi động, Supervisor
hệ thống mạng		Chứng nhận	
Thẻ hệ mạng thiết bị di động	4G	Các loại giấy chứng nhận phù hợp	RoHS
Wi-Fi	✓	Tính bền vững	
Chuẩn Wi-Fi	Wi-Fi 5 (802.11ac)	Chứng chỉ bền vững	EPEAT Gold, NGÔI SAO NĂNG LƯỢNG
Kết nối mạng di động *	✓	Trọng lượng & Kích thước	
Bluetooth	✓	Chiều rộng	323,5 mm
Phiên bản Bluetooth	4.1	Độ dày	217,1 mm
Cổng giao tiếp		Chiều cao	15,9 mm
Số lượng cổng USB 3.2 Gen 1 (3.1 Gen 1)Type-A *	2	Trọng lượng *	1,13 kg
Số lượng cổng HDMI *	1		
Số cổng Thunderbolt 3	2		
Cổng kết hợp tai nghe/mic	✓		

Catalog Object Cloud



Disclaimer. The information published here (the "Information") is based on sources that can be considered reliable, typically the manufacturer, but this Information is provided "AS IS" and without guarantee of correctness or completeness. The Information is only indicative and can be changed at any time without notification. No rights can be based on the Information. Suppliers or aggregators of this Information do not accept any liability with regard to the content of (web)pages and other documents, including its Information. The publisher of the Information can not be held liable for the content of 3rd party websites that are linking this Information or are linked to from this Information. You as the User of the Information are solely responsible for the choice and usage of this Information. You are not entitled to transfer, copy or otherwise multiply or distribute the Information. You are obliged to follow the directions of the copyright owner(s) with regard to the use of the Information. Exclusively Dutch law is applicable. With regard to price and stock data on the site, the publisher followed a number of starting points, which are not necessarily relevant for your private or business circumstances. Therefore, the price and stock data are only indicative and are subject to changes. You are personally responsible for the way you use and apply this information. As a user of the Information or sites or documents in which this Information is included, you will adhere to standard fair use including avoidance of spamming, ripping, intellectual-property violations, privacy violations, and any other illegal activity.